

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 3 - 2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Cường

2. Bà Lê Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Hà T, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ 3, khu 5, phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. Bị đơn: anh Hoàng Thanh N, sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 3, khu 5, phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, tại bản tự khai ngày 25/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Hà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị tự nguyện kết hôn với anh Hoàng Thanh N vào ngày 26/11/2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung từ việc nhỏ đến việc lớn trong cuộc sống chung nên thường xuyên xảy ra xung đột. Hai vợ chồng cũng như gia đình hai bên của chúng tôi đã cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm cho chúng tôi nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 10/2018 đến nay, khi ly hôn mỗi người sống một nơi, thời gian sống ly thân vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm chị dành cho anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh Hoàng Thanh N có 02 con chung là Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 và Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Hà L, còn con chung Hoàng Bình A giao cho anh Hoàng Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh Nam không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: chị và anh Hoàng Thanh N không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật cho anh Hoàng Thanh N, nhưng anh N không lên tòa để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021, tiến hành lấy lời khai của anh Hoàng Thanh N có sự chứng kiến của bà Trần Thị H2 là tổ trưởng tổ 3, khu 5, phường H, thành phố H1 thể hiện: do bận đi làm nên những giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi về, bố mẹ anh nhận thay và đã đưa lại cho anh nên anh nắm được nội dung chị T làm đơn xin ly hôn với anh. Anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào tháng 11/2007, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H1. Mâu thuẫn giữa anh và chị T phát sinh vào khoảng năm 2016, nguyên nhân là do anh không còn tin tưởng chị T nên xảy ra sút mẻ tình cảm. Từ năm 2017 chị T bỏ ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã xảy ra từ quá lâu, việc chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh và chị Bùi Hà T có 02 con chung là Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 và Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung Hoàng Bình A, chị T nuôi con chung Hoàng Hà L.

Về tài sản chung: anh và chị Bùi Hà T không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác nhận của chính quyền địa phương (tại Biên bản xác minh với bà Trần Thị H – Tổ trưởng tổ 3, khu 5, phường H, thành phố H1) thể hiện: chị T và anh N là công dân tại tổ 3, khu 5, phường H. Trong cuộc sống, chị T và anh N là những công dân chấp hành quy định của pháp luật, của tổ dân khu phố. Mâu thuẫn của anh chị tổ dân không nắm được, tổ dân chỉ biết việc chị T làm đơn xin ly hôn khi có cán bộ thừa phát lại đến giao giấy tờ của tòa án cho anh N. Khoảng từ năm 2017, chị T đã chuyển ra ngoài không sống cùng anh N nhưng hàng ngày chị T vẫn đi lại để chăm sóc các con. Chị T và anh N có hai con chung, trong thời gian anh chị sống ly thân con chung Hoàng Hà L sống với chị T, con chung Hoàng Bình A sống với anh Hoàng Thanh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án tiến hành lấy lời khai của các con chung của chị T và anh N là cháu Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 và Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013. Cháu Hoàng Hà L có nguyện vọng được ở với chị T, cháu Hoàng Bình A có nguyện vọng ở với anh N.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh N, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Hà L, giao con chung Hoàng Bình A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Hà T được ly hôn với anh Hoàng Thanh N. Về con chung: Giao con chung Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn - anh Hoàng Thanh N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn – anh Hoàng Thanh N bằng hình thức tổng đạt thông qua dịch vụ thừa phát lại. Anh N đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng anh N không đến tòa án để làm việc và có đơn xin xử vắng mặt đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Thanh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Hà T và anh Hoàng Thanh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt, anh N không còn tin tưởng chị T. Mặc dù những mâu thuẫn này vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị T đã chuyển ra ngoài sinh sống, từ khi sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Đến nay, chị T xác nhận không còn tình cảm với anh N, không muốn tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh N mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh N đều không đến tòa làm việc, việc không đến này của anh N thể hiện anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh N có quan điểm giữa anh và chị T là có mâu thuẫn từ rất lâu, vợ chồng hiện sống ly thân với nhau, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh N.

[3] Về con chung: chị T và anh N có 02 con chung là Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 và Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013. Kể từ khi anh chị sống ly thân, con chung Hoàng Hà L sống cùng với chị T, con chung Hoàng Bình A sống cùng với anh N. Chị T và anh N đều đề nghị chị T trực tiếp nuôi con chung Hoàng Hà L, anh N trực tiếp nuôi con chung Hoàng Bình A đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do hiện nay các con chung có cuộc sống, học tập ổn định bên anh N và chị T, anh chị đều có quan điểm giao con chung Hoàng Hà L cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Hoàng Bình A cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên. Quan điểm này của chị T và anh N cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T và anh N.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh N không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Hà T được ly hôn với anh Hoàng Thanh N.

2. Về con chung: giao con chung Hoàng Hà L, sinh ngày 21/01/2009 cho chị Bùi Hà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Hoàng Bình A, sinh ngày 15/9/2013

cho anh Hoàng Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bùi Hà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000079 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H, thành phố H1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Cúc

